

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 10-7-2019

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc
2. Ông Nguyễn Kim Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Ông Đào Duy H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Bà Nguyễn Thị K trình bày:*

Về hôn nhân: Bà K và ông H tự nguyện chung sống với nhau năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn tại quy định của pháp luật. Bà K và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà K và ông H bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên bà K yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông H.

Về con chung: Bà K và ông H có 04 người con chung là các cháu Đào Duy H1, sinh ngày 10/10/1995 (giới tính nam); Đào Lê Q, sinh ngày 18/8/1998 (giới tính nữ); Đào NY, sinh ngày 18/7/2002 (giới tính nữ) và Đào Duy L, sinh ngày 03/11/2010 (giới tính nam). Cháu H1 và cháu Q đã trưởng thành, cháu NY và cháu L hiện do bà K đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu NK và cháu L, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không đặt ra yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng các quy định của tố tụng dân sự; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của bà K là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân với bị đơn là ông Đào Duy H. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Ông H có nơi cư trú tại ấp A, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và có tổng đạt hợp lệ cho ông H nhưng ông H không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu của bà K và vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử và có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng này cho ông H nhưng ông H vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Đào Duy H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông H chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống bà K và ông H có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng ông bà không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Đào Duy H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà K và ông H có 04 người con chung là các cháu Đào Duy H1, sinh ngày 10/10/1995 (giới tính nam); Đào Lệ Q, sinh ngày 18/8/1998 (giới tính nữ); Đào NY, sinh ngày 18/7/2002 (giới tính nữ) và Đào Duy L, sinh ngày 03/11/2010 (giới tính nam). Cháu H1 và cháu Q đã trưởng thành, cháu NY và cháu L hiện do bà K đang nuôi dạy. Khi ly hôn, bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy cháu NY và cháu Long, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện do bà K đang nuôi dạy cháu Ý và cháu L, các cháu đã trên 07 tuổi, quá trình giải quyết vụ án các cháu NY và L đều có nguyện vọng sống chung với bà K nên cần chấp nhận cho bà K được tiếp tục nuôi dạy cháu NY và cháu L. Bà K không đặt ra yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Bà K xác định bà và ông H tự thỏa thuận không đặt ra yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà K xác định bà và ông H không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Tại tờ xác nhận ngày 09/4/2019 của UBND xã TL và biên bản làm việc với người làm chứng ngày 24/5/2019 xác nhận vợ chồng bà K và ông H không có ai yêu cầu về nợ đối với ông bà tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 14, 53 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt ông Đào Duy H.

2. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị K.

2.1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị K và ông Đào Duy H là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Giao các cháu Đào NY, sinh ngày 18/7/2002 (giới tính nữ) và Đào Duy L, sinh ngày 03/11/2010 (giới tính nam) cho bà K tiếp tục nuôi dạy. Ông H không cấp dưỡng nuôi con.

Ông H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu xem xét.

Nợ chung: Không có.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 11 tháng 4 năm 2019 bà K có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0006079 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được đối trừ và chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan Anh